



TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH HÀ GIANG
KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH – THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Địa chỉ: Tổ 10.P. Minh Khai. TP. Hà Giang /Điện thoại:02193886058 /Fax:02193886195

Email:khoaxetnghiemdphg@gmail.com

Số: 1186 /PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

1. Tên mẫu : Nước sinh hoạt, ăn uống – Giữa mạng lưới đường ống
2. Nơi lấy mẫu : Nguyễn Minh Thảo – SN 17C , đường Lê Hoàn, P.Nguyễn Trãi, TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang.
3. Mã số mẫu : 12.20.15-2
4. Mô tả mẫu : Nước trong, không màu, có mùi clo.
5. Số lượng mẫu : 03 lít/ mẫu x 01 mẫu.
6. Thời gian lưu mẫu : Không có mẫu lưu.
7. Ngày lấy mẫu : 11/12/2020
8. Ngày nhận mẫu : 11/12/2020
9. Thời gian thử nghiệm : từ ngày 11/12/2020 đến ngày 21/12/2020
10. Nơi gửi mẫu : Nguyễn Văn Đạt

18. Nơi gửi mẫu

1. KẾT QUẢ CHỈ CHỈ DẪN

1	E.coli *	100mL	6187-2:1996	1	KPH
2	E.coli *	100mL	6187-2:1996	1	KPH
3	E.coli *	100mL	6187-2:1996	1	KPH
4	E.coli *	100mL	6187-2:1996	1	KPH
5	E.coli *	100mL	6187-2:1996	1	KPH
6	Mùi vị	Điểm	TCVN 2653:1978	Không có mùi vị lạ	KPH
7	Điểm	Điểm	TCVN 2653:1978	Không có mùi vị lạ	KPH
8	Điểm	Điểm	TCVN 2653:1978	Không có mùi vị lạ	KPH
9	Điểm	Điểm	TCVN 2653:1978	Không có mùi vị lạ	KPH
10	Điểm	Điểm	TCVN 2653:1978	Không có mùi vị lạ	KPH

12BM.18.01.

Bản hành lần:01

Ngày ban hành:15.3.2019

Trang 1/3

1. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
2. Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS
3. Trung tâm chỉ giải quyết khiếu nại và các yêu cầu xem xét lại trong vòng 07 ngày sau khi trả kết quả. không nhận khiếu nại khi không có mẫu lưu.

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH HÀ GIANG
KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH – THẨM ĐÒ CHỨC NĂNG

Địa chỉ: Tổ 10.P. Minh Khai. TP. Hà Giang /Điện thoại: 02193886058 /Fax: 02193886195

Email: khoa_xet_nghiem_dphg@gmail.com

7	Độ đục	NTU	H.QT.13	2	0,51
8	pH *	-	TCVN 6492:2011	6,0-8,5	7,25
9	Tổng Canxi Và Magie*	mg/L	TCVN 6224: 1996	300	13,20
10	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	H.QT.17	1000	11,41
11	Hàm lượng Clorua *	mg/L	TCVN 6194 : 1996	250	2,41
12	Hàm lượng sắt*	mg/L	TCVN 6177: 1996	0,3	0,034
13	Hàm lượng mangan tổng số	mg/L	H.QT.08	0,1	0,034
14	Hàm lượng nitrit*	mg/L	TCVN 6178: 1996	0,05	0,01
15	Hàm lượng nitrat*	mg/L	TCVN 6180: 1996	2	0,252
16	Hàm lượng sulfat	mg/L	TCVN 6200: 1996	250	9,1542
17	Chỉ số pecmanganat	mg/L	H.QT.06	2	0,64
18	Hàm lượng sunfua	mg/L	H.QT.21	0,05	KPH LOQ:0,01
19	Hàm lượng Amoni	mg/L	H.QT.04	0,3	0,092
20	Hàm lượng kẽm	mg/L	H.QT.16	2	0,012
21	Hàm lượng chì	mg/L	TCVN 6193:1996	0,01	KPH LOQ:0,001
22	Hàm lượng thủy ngân	mg/L	TCVN 7877 : 2008	0,001	KPH LOQ:0,001
23	Hàm lượng Cadimi	mg/L	TCVN 6197:1996	0,003	KPH LOQ:0,001
24	Hàm lượng đồng	mg/L	TCVN 6193:1996	1	0,018
25	Hàm lượng Nhôm	mg/L	TCVN	0,2	0,049

12BM.18.01.

Ban hành lần:01

Ngày ban hành:15.3.2019

Trang 2/3

1. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

2. Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS

3. Trung tâm chỉ giải quyết khiếu nại và các yêu cầu xem xét lại trong vòng 07 ngày sau khi trả kết quả: không nhận khiếu nại khi không có mẫu lưu.



VILAS 732

Số: 1185 / PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

1. Tên mẫu : Nước sinh hoạt, ăn uống – Bể chứa chung
2. Nơi lấy mẫu : Tổ 17, P. Trần Phú, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang.
3. Mã số mẫu : 12.20.15-1
4. Mô tả mẫu : Nước trong, không màu, có mùi clo.
5. Số lượng mẫu : 03 lít/ mẫu x 01 mẫu.
6. Thời gian lưu mẫu : Không có mẫu lưu.
7. Ngày lấy mẫu : 11/12/2020
8. Ngày nhận mẫu : 11/12/2020
9. Thời gian thử nghiệm : từ ngày 11/12/2020 đến ngày 21/12/2020
10. Nơi gửi mẫu : Nguyễn Văn Đạt
Công ty cổ phần cấp thoát nước tỉnh Hà Giang.
Tổ 5, P. Trần Phú, tỉnh Hà Giang.
11. Kết quả thử nghiệm : Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Coliforms *	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	<3	KPH
2	E.coli *	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	<1	KPH
3	S.aureus	CFU/100mL	TCVN 4830-1:2005	<1	KPH
4	P.aeruginosa	CFU/100mL	QĐ 3347- 2001/BYT	<1	KPH
5	Màu sắc	Độ màu	TCVN 2653:1978	15	KPH LOQ:4 độ
6	Mùi vị	Điểm	TCVN 2653:1978	Không có mùi vị lạ	KPH

12BM.18.01.

Ban hành lần:01

Ngày ban hành:15.3.2019

Trang 1/3

1. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

2. Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS

3. Trung tâm chỉ giải quyết khiếu nại và các yêu cầu xem xét lại trong vòng 07 ngày sau khi trả kết quả.
không nhận khiếu nại khi không có mẫu lưu.

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH HÀ GIANG
KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH – THẨM ĐÒ CHỨC NĂNG

Địa chỉ: Tổ 10.P. Minh Khai. TP. Hà Giang /Điện thoại: 02193886058 /Fax: 02193886195

Email: khoaetnghiemdphg@gmail.com

7	Độ đục	NTU	H.QT.13	2	0,46
8	pH *	-	TCVN 6492:2011	6,0-8,5	7,21
9	Tổng Canxi Và Magie*	mg/L	TCVN 6224: 1996	300	14,40
10	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	H.QT.17	1000	10,62
11	Hàm lượng Clorua *	mg/L	TCVN 6194 : 1996	250	2,20
12	Hàm lượng sắt*	mg/L	TCVN 6177: 1996	0,3	0,031
13	Hàm lượng mangan tổng số	mg/L	H.QT.08	0,1	0,028
14	Hàm lượng nitrit*	mg/L	TCVN 6178: 1996	0,05	0,008
15	Hàm lượng nitrat*	mg/L	TCVN 6180: 1996	2	0,243
16	Hàm lượng sulfat	mg/L	TCVN 6200: 1996	250	8,2347
17	Chỉ số pecmanganat	mg/L	H.QT.06	2	0,58
18	Hàm lượng sunfua	mg/L	H.QT.21	0,05	KPH LOQ:0,01
19	Hàm lượng Amoni	mg/L	H.QT.04	0,3	0,076
20	Hàm lượng kẽm	mg/L	H.QT.16	2	0,01
21	Hàm lượng chì	mg/L	TCVN 6193:1996	0,01	KPH LOQ:0,001
22	Hàm lượng thủy ngân	mg/L	TCVN 7877 : 2008	0,001	KPH LOQ:0,001
23	Hàm lượng Cadimi	mg/L	TCVN 6197:1996	0,003	KPH LOQ:0,001
24	Hàm lượng đồng	mg/L	TCVN 6193:1996	1	0,014
25	Hàm lượng Nhôm	mg/L	TCVN 6657:2000	0,2	0,054

12BM.18.01.

Ban hành lần:01

Ngày ban hành:15.3.2019

Trang 2/3

1. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

2. Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS

3. Trung tâm chỉ giải quyết khiếu nại và các yêu cầu xem xét lại trong vòng 07 ngày sau khi trả kết quả.
không nhận khiếu nại khi không có mẫu lưu.

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH HÀ GIANG
KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH – THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Địa chỉ: Tổ 10.P. Minh Khai. TP. Hà Giang /Điện thoại: 02193886058 /Fax: 02193886195

Email: khoaxetnghiemdphg@gmail.com

			6193:1996		
25	Hàm lượng Nhôm	mg/L	TCVN 6657:2000	0,2	0,062
26	Hàm lượng asen	mg/L	TCVN 6626:2000	0,01	KPH LOQ:0,002

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).

Hà Giang, ngày 21 tháng 12 năm 2020

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Kim Dung

TRƯỞNG KHOA
XN-CDHA-TDCN

Phan Thị Nga

12BM.18.01.

Ban hành lần:01

Ngày ban hành:15.3.2019

Trang 3/3

1. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
2. Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS
3. Trung tâm chỉ giải quyết khiếu nại và các yêu cầu xem xét lại trong vòng 07 ngày sau khi trả kết quả. không nhận khiếu nại khi không có mẫu lưu.

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH HÀ GIANG
KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH – THĂM ĐỒ CHỨC NĂNG

Địa chỉ: Tô 10.P. Minh Khai. TP. Hà Giang /Điện thoại:02193886058 /Fax:02193886195

Email:khoaxetnghiemdphg@gmail.com

26	Clo dư	mg / L	H.QT.03	0,2-1,0	0,384
----	--------	--------	---------	---------	-------

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).

Hà Giang, ngày 21 tháng 12 năm 2020

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
XN-CDHA-TDCN



Phạm Thị Kim Dung

Phan Thị Nga

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH HÀ GIANG
KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH – THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Địa chỉ: Tổ 10.P. Minh Khai. TP. Hà Giang /Điện thoại:02193886058 /Fax:02193886195

Email:khoaxetnghiemdphg@gmail.com

			6657:2000		
26	Clo dư	mg / L	H.QT.03	0,2-1,0	0,354

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).

Hà Giang, ngày 21 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA
XN-CDHA-TDCN

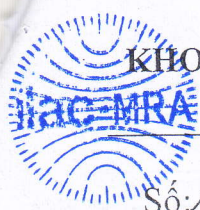
KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Kim Dung

Phan Thị Nga

1. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
2. Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS
3. Trung tâm chỉ giải quyết khiếu nại và các yêu cầu xem xét lại trong vòng 07 ngày sau khi trả kết quả. không nhận khiếu nại khi không có mẫu lưu.



TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH HÀ GIANG
KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH – THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Địa chỉ: Tổ 10, P. Minh Khai, TP. Hà Giang / Điện thoại: 02193886058 / Fax: 02193886195
Email: khoa_xetnghiemdphg@gmail.com

Số: 1187/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

1. Tên mẫu : Nước sinh hoạt, ăn uống – Cuối mạng lưới đường ống
2. Nơi lấy mẫu : Phạm Quang Nhật SN 249 Q, đường 20/8 - P. Nguyễn Trãi, TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang
3. Mã số mẫu : 12.20.15-3
4. Mô tả mẫu : Nước trong, không màu, có mùi clo.
5. Số lượng mẫu : 03 lít/ mẫu x 01 mẫu.
6. Thời gian lưu mẫu : Không có mẫu lưu.
7. Ngày lấy mẫu : 11/12/2020
8. Ngày nhận mẫu : 11/12/2020
9. Thời gian thử nghiệm : từ ngày 11/12/2020 đến ngày 21/12/2020
10. Nơi gửi mẫu : Nguyễn Văn Đạt
Công ty cổ phần cấp thoát nước tỉnh Hà Giang.
Tổ 5, P. Trần Phú, tỉnh Hà Giang.
11. Kết quả thử nghiệm : Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Coliforms *	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	<3	KPH
2	E.coli *	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	<1	KPH
3	S.aureus	CFU/100mL	TCVN 4830-1:2005	<1	KPH
4	P.aeruginosa	CFU/100mL	QB 3347- 2001/BYT	<1	KPH
5	Màu sắc	Độ màu	TCVN 2653:1978	15	KPH LOQ:4 độ

12BM.18.01.

Ban hành lần:01

Ngày ban hành:15.3.2019

Trang 1/3

1. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
2. Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS
3. Trung tâm chỉ giải quyết khiếu nại và các yêu cầu xem xét lại trong vòng 07 ngày sau khi trả kết quả. không nhận khiếu nại khi không có mẫu lưu.

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH HÀ GIANG
KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH – THẨM ĐO CHỨC NĂNG

Địa chỉ: Tổ 10.P. Minh Khai. TP. Hà Giang /Điện thoại: 02193886058 /Fax: 02193886195

Email: khoa_xet_nghiem_dphg@gmail.com

6	Mùi vị	Điểm	TCVN 2653:1978	Không có mùi vị lạ	KPH
7	Độ đục	NTU	H.QT.13	2	0,46
8	pH *	-	TCVN 6492:2011	6,0-8,5	7,21
9	Tổng Canxi Và Magie*	mg/L	TCVN 6224: 1996	300	13,40
10	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	H.QT.17	1000	10,64
11	Hàm lượng Clorua *	mg/L	TCVN 6194 : 1996	250	2,69
12	Hàm lượng sắt*	mg/L	TCVN 6177: 1996	0,3	0,031
13	Hàm lượng mangan tổng số	mg/L	H.QT.08	0,1	0,028
14	Hàm lượng nitrit*	mg/L	TCVN 6178: 1996	0,05	0,012
15	Hàm lượng nitrat*	mg/L	TCVN 6180: 1996	2	0,245
16	Hàm lượng sulfat	mg/L	TCVN 6200: 1996	250	9,2565
17	Chỉ số pecmanganat	mg/L	H.QT.06	2	0,45
18	Hàm lượng sunfua	mg/L	H.QT.21	0,05	KPH LOQ:0,01
19	Hàm lượng Amoni	mg/L	H.QT.04	0,3	0,108
20	Hàm lượng kẽm	mg/L	H.QT.16	2	0,015
21	Hàm lượng chì	mg/L	TCVN 6193:1996	0,01	KPH LOQ:0,001
22	Hàm lượng thủy ngân	mg/L	TCVN 7877 : 2008	0,001	KPH LOQ:0,001
23	Hàm lượng Cadimi	mg/L	TCVN 6197:1996	0,003	KPH LOQ:0,001
24	Hàm lượng đồng	mg/L	TCVN 6193:1996	1	0,019

12BM.18.01.

Ban hành lần:01

Ngày ban hành:15.3.2019

Trang 2/3

1. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

2. Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS

3. Trung tâm chỉ giải quyết khiếu nại và các yêu cầu xem xét lại trong vòng 07 ngày sau khi trả kết quả.
không nhận khiếu nại khi không có mẫu lưu.

25	Hàm lượng Nhôm	mg/L	TCVN 6657:2000	0,2	0,035
26	Clo dư	mg / L	H.QT.03	0,2-1,0	0,341

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**


Phạm Thị Kim Dung

Hà Giang, ngày 21 tháng 12 năm 2020
**TRƯỞNG KHOA
XN-CĐHA-TDCN**


Phan Thị Nga

1. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
2. Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS
3. Trung tâm chỉ giải quyết khiếu nại và các yêu cầu xem xét lại trong vòng 07 ngày sau khi trả kết quả, không nhận khiếu nại khi không có mẫu lưu.

Số: **VILAS 732** / PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. Tên mẫu | : Nước sinh hoạt, ăn uống – Giếng khoan trạm số 4 |
| 2. Nơi lấy mẫu | : Vòi nước giếng khoan tại BVĐK tỉnh Hà Giang - Tổ 10, P.Minh Khai, TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang. |
| 3. Mã số mẫu | : 12.20.15 - 4 |
| 4. Mô tả mẫu | : Nước trong, không màu, có mùi clo. |
| 5. Số lượng mẫu | : 03 lít/ mẫu x 01 mẫu. |
| 6. Thời gian lưu mẫu | : Không có mẫu lưu. |
| 7. Ngày lấy mẫu | : 11/12/2020 |
| 8. Ngày nhận mẫu | : 11/12/2020 |
| 9. Thời gian thử nghiệm | : từ ngày 11/12/2020 đến ngày 21/12/2020 |
| 10. Nơi gửi mẫu | : Nguyễn Văn Đạt
Công ty cổ phần cấp thoát nước tỉnh Hà Giang.
Tổ 5, P. Trần Phú, tỉnh Hà Giang. |
| 11. Kết quả thử nghiệm | : Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật |

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Coliforms *	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	<3	KPH
2	*E.coli *	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	<1	KPH
3	S.aureus	CFU/100mL	TCVN 4830-1:2005	<1	KPH
4	P.aeruginosa	CFU/100mL	QĐ 3347-2001/BYT	<1	KPH
5	Màu sắc	Độ màu	TCVN 2653:1978	15	KPH LOQ:4 độ

12BM.18.01.

Ban hành lần:01

Ngày ban hành:15.3.2019

Trang 1/3

- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS
- Trung tâm chỉ giải quyết khiếu nại và các yêu cầu xem xét lại trong vòng 07 ngày sau khi trả kết quả. không nhận khiếu nại khi không có mẫu lưu.

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH HÀ GIANG
KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH – THẨM DÒ CHỨC NĂNG

Địa chỉ: Tổ 10.P. Minh Khai. TP. Hà Giang /Điện thoại: 02193886058 /Fax: 02193886195

Email: khoa_xet_nghiem_dphg@gmail.com

6	Mùi vị	Điểm	TCVN 2653:1978	Không có mùi vị lạ	KPH
7	Độ đục	NTU	H.QT.13	2	0,62
8	pH *	-	TCVN 6492:2011	6,0-8,5	7,22
9	Tổng Canxi Và Magie*	mg/L	TCVN 6224: 1996	300	15,60
10	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	H.QT.17	1000	10,80
11	Hàm lượng Clorua *	mg/L	TCVN 6194 : 1996	250	1,84
12	Hàm lượng sắt*	mg/L	TCVN 6177: 1996	0,3	0,059
13	Hàm lượng mangan tổng số	mg/L	H.QT.08	0,1	0,09
14	Hàm lượng nitrit*	mg/L	TCVN 6178: 1996	0,05	0,237
15	Hàm lượng nitrat*	mg/L	TCVN 6180: 1996	2	0,011
16	Hàm lượng sulfat	mg/L	TCVN 6200: 1996	250	8,7494
17	Chỉ số pecmanganat	mg/L	H.QT.06	2	0,58
18	Hàm lượng sunfua	mg/L	H.QT.21	0,05	KPH LOQ:0,01
19	Hàm lượng Amoni	mg/L	H.QT.04	0,3	0,092
20	Hàm lượng kẽm	mg/L	H.QT.16	2	0,019
21	Hàm lượng chì	mg/L	TCVN 6193:1996	0,01	KPH LOQ:0,001
22	Hàm lượng thủy ngân	mg/L	TCVN 7877 : 2008	0,001	KPH LOQ:0,001
23	Hàm lượng Cadimi	mg/L	TCVN 6197:1996	0,003	KPH LOQ:0,001
24	Hàm lượng đồng	mg/L	TCVN	1	0,029

12BM.18.01.

Ban hành lần:01

Ngày ban hành:15.3.2019

Trang 2/3

1. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

2. Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS

3. Trung tâm chỉ giải quyết khiếu nại và các yêu cầu xem xét lại-trong vòng 07 ngày sau khi trả kết quả.
không nhận khiếu nại khi không có mẫu lưu.